

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 7 - 2026

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Thắng

Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Kiều H**, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi thường trú: **Số H N, tổ A N, phường B, thành phố Hà Nội.**

2. Bị đơn: Bà **Hà Thị Kim T**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi thường trú: **Số H N, tổ A N, phường B, thành phố Hà Nội.**

Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: **Thôn K, xã T, tỉnh Phú Thọ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông **Đỗ Kiều H** trình bày: Ông kết hôn với bà **Hà Thị Kim T** ngày 14/12/2009. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, nay là xã Đ, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, bà T về chung sống cùng gia đình ông tại **N, phường B, thành phố Hà Nội**. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, đòi

sống chung vợ chồng không hòa hợp, không hạnh phúc, hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 6/2013 cho đến nay; trong thời gian ly thân, hai bên gia đình đã hàn gắn tình cảm cho vợ chồng nhưng không thành. Nay, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 23/5/2010. Từ khi ông và bà T sống ly thân thì cháu M vẫn ở cùng ông, ly hôn ông đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc cháu M, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Hà Thị Kim T đến Tòa án làm việc, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Kiều H, cho ông H được ly hôn bà Hà Thị Kim T. Về con chung, ông H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Nhật M, sinh ngày 23/5/2010; bà T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí, ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đỗ Kiều H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội giải quyết cho ông được ly hôn bà Hà Thị Kim T và giải quyết về con chung; bị đơn bà Hà Thị Kim T có nơi tạm trú và nơi ở hiện tại, tại thôn K, xã T, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị Kim T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đỗ Kiều H** và bà **Hà Thị Kim T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông **H** và bà **T** là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông **H** và bà **T** là do hai bên không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau; ông **H** và bà **T** đã sống ly thân một thời gian dài, nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông **Hà Đức C** là bố đẻ bà **T**, thể hiện trong quá trình chung sống ông **H** và bà **T** có nhiều mâu thuẫn, khoảng năm 2024 bà **T** về chung sống cùng gia đình ông **C** tại **thôn K, xã T, tỉnh Phú Thọ**. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bà **T**; tuy nhiên do công việc bận nên bà **T** chưa lên Tòa án làm việc được, bà **T** đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để bà **T** đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp hòa giải, nhưng bà **T** đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ bà **T** không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông **H**. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông **H** xác định không còn tình cảm với bà **T** và kiên quyết được ly hôn bà **T**. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông **H** và bà **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của ông **H** đề nghị được ly hôn bà **T** là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông **H** và bà **T** có 01 con chung là cháu **Đỗ Nhật M**, sinh ngày 23/5/2010. Ly hôn, ông **H** đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đỗ Nhật M**.

Xét thấy, từ khi ông **H** và bà **T** sống ly thân, thì cháu **M** chung sống cùng ông **H** và do ông **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu **M** có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố, mẹ ly hôn. Vì vậy, yêu cầu của ông **H** đề nghị Tòa án giao cho ông được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **M** là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do ông **H** không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, nên bà **T** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông **Đỗ Kiều H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Ông **Đỗ Kiều H** được ly hôn bà **Hà Thị Kim T**.

2. Về con chung: Ông **Đỗ Kiều H** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đỗ Nhật M**, sinh ngày 23/5/2010. Bà **Hà Thị Kim T** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về án phí: Ông **Đỗ Kiều H** phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu số 0009712, ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thị hành **án dân sự thành phố H**; ông **H** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Đông Công, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hạnh

